

Bản án số: 388/2024/DS-PT

Ngày: 17 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp nợ hợp đồng thi công,
hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miến

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp nợ hợp đồng thi công, hợp đồng mua bán*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 270/2024/QĐ-PT ngày ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Hữu T, sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: Số 10.07 Chung cư Thịnh V, phường B Tr Đ, thành phố T Đ, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: Số 59, đường Ô I K, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; văn bản ủy quyền ngày 04/6/2024 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Châu Quốc K, sinh năm: 1967; địa chỉ cư trú: Số 119 đường L T K, Khóm 7, Phường 6, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đặng Minh H, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Số 24, đường 3/2, Khóm 5, Phường 5, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau; văn bản ủy quyền 27/3/2023 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hải N, sinh năm: 1980; địa chỉ: Số 104/6A, đường Mai Thị Lự, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Châu Minh N1, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số 119 đường Lý Thường Kiệt, Khóm 7, Phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Châu Quốc K là bị đơn
- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn trình bày: Ngày 01/09/2020, ông Trương Hữu T ký với ông Châu Quốc K hợp đồng thi công bơm cát san lấp. Nội dung ông K thi công khai thác cát và cung cấp cát nền cho ông T bán cho các công trình xây dựng. Ông T đã chuyển tạm ứng trước cho ông K nhiều lần, tổng số tiền 4.900.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 02/9/2020, ông T giao tiền mặt cho Châu Minh N (con ông K) nhận số tiền 300.000.000 đồng;
- Ngày 07/9/2020, ông T giao tiền mặt cho ông K nhận số tiền 700.000.000 đồng;
- Ngày 11/9/2020, ông T giao tiền mặt cho Châu Minh N nhận số tiền số tiền 300.000.000 đồng;
- Ngày 11/9/2020, bà Trương Thị Hương (vợ ông T) chuyển vào tài khoản của Châu Minh N mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 300.000.000 đồng;
- Ngày 17/9/2020, bà Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N 04 lần, tổng số tiền 1.000.000.000 đồng;
- Ngày 07/10/2020, bà Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N số tiền 150.000.000 đồng;
- Ngày 07/10/2020, ông T nộp tiền mặt vào tài khoản của Châu Minh N số tiền 500.000.000 đồng;
- Ngày 28/10/2020, bà Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 17/11/2020, bà Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 20/11/2020, bà Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N 02 lần, tổng số tiền 500.000.000 đồng;
- Ngày 18/12/2020, bà Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 21/12/2020, bà Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 07/01/2021, bà Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N số tiền 200.000.000 đồng;
- Ngày 29/01/2021, bà Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N số tiền 200.000.000 đồng;
- Ngày 03/03/2021, bà Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 13/04/2021, Trương Thị Hương chuyển vào tài khoản của Châu Minh N số tiền 250.000.000 đồng.

Lý do chuyển tiền nhiều lần là đảm bảo đủ giá trị 10% của hợp đồng. Nhưng do chưa được cấp phép nên từ khi nhận tiền đến nay, ông K không thực hiện hợp

đồng, các bên đã thống nhất chấm dứt hợp đồng. Ông T yêu cầu ông K trả lại số tiền tạm ứng 4.900.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông Châu Quốc K có thỏa thuận bán cho ông Trương Hữu T 01 máy đào 09 catec, giá tiền 1.000.000.000 đồng, ông T đã giao đủ tiền mua máy cho ông K (có biên nhận đã nhận đủ tiền ngày 28/8/2020) nhưng ông K chưa giao máy đào cho ông T. Ông T chấm dứt hợp đồng mua bán máy đào, yêu cầu ông K trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng đã nhận.

Tổng cộng ông T yêu cầu ông K trả lại số tiền 5.900.000.000 đồng.

Đối với Ý kiến của ông K cho rằng đã bán lại toàn bộ trang thiết bị bơm cát cho ông T số tiền 6.030.000.000 đồng để đối trừ số tiền 5.900.000.000 đồng thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 08/7/2021 là không có. Ông T xác định không biết Biên bản ngày 08/7/2021, không phải chữ ký, chữ viết của ông. Ông T không gửi bản chụp Biên bản làm việc ngày 08/7/2021 nêu trên từ tài khoản Zalo tên CatTam đến tài khoản Zalo của ông K, yêu cầu ông K nộp bản gốc để giám định chữ ký, chữ viết của ông T tại Biên bản này. Biên bản giao nhận thiết bị do ông Nguyễn Hải N viết và ký tên không thể hiện rõ ai là người giao nhận dàn thiết bị, nhận về giao cho ai, mối liên quan giữa các bên giao nhận. Ông T không biết người tên Nguyễn Hải N là ai, không rõ địa chỉ ở đâu.

Theo bị đơn trình bày: Ông Châu Quốc K thừa nhận ký Hợp đồng thi công bơm cát san lấp ngày 01/9/2020 với ông T, nội dung là ông T thuê ông K bơm hút cát tại dự án biển Cần Giờ, không phải cung cấp cát nền như ghi trong Hợp đồng. Ông K có nhận tạm ứng của ông T nhiều lần tổng số tiền 5.900.000.000 đồng là tiền tạm ứng mua trang thiết bị phục vụ bơm hút cát. Ngoài ra, ông T còn giao cho ông K nhận một số khoản tiền khác là 103.000.000 đồng, Tổng cộng đã nhận 6.030.000.000 đồng. Sau đó, ông T báo với ông K dự án biển Cần Giờ không thực hiện được, không tiến hành bơm cát và chấm dứt hợp đồng. Hai bên thỏa thuận thống nhất ông K sang lại toàn bộ trang thiết bị bơm cát cho ông T để đối trừ số tiền đã nhận 6.030.000.000 đồng, thể hiện tại biên bản làm việc ngày 08/7/2021. Biên bản này do ông T soạn thảo, ký tên, chụp gửi từ tài khoản Zalo số điện thoại 0908.058.286 của ông T, đến tài khoản Zalo số điện thoại 0913.986.322 của ông K. Bản gốc Biên bản làm việc ngày 08/7/2021 đã thất lạc. Sau khi có Biên bản thỏa thuận ngày 08/7/2021, ông T đã cho ông Nguyễn Hải N là người cùng làm với ông T nhận toàn bộ trang thiết bị bơm cát thể hiện tại Giấy giao nhận thiết bị do ông N viết và ký tên. Ông K thừa nhận Biên nhận đề ngày 28/8/2020, nội dung đã nhận đủ số tiền 1.000.000.000 đồng bán máy đào 09 catec do ông K viết và ký tên. Tuy nhiên, biên nhận này là giả cách để ông T hợp thức việc vay tiền Ngân hàng, thực tế không có việc mua bán máy đào. Ông K xác định đã đối trừ xong khoản tiền 5.900.000.000 đồng nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T.

Tại Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của ông Nguyễn Hải N đề ngày 27/7/2023 thể hiện: Ông N không có bất kỳ sự liên quan gì trong vụ án nêu trên. Ông không quan hệ làm ăn, mua bán, không hợp tác kinh doanh với ông Trương Hữu T; không có tài liệu cung cấp, không có ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu liên quan để yêu cầu Tòa án giải quyết. Xin từ chối không nhận văn bản tố

tụng và xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, các phiên họp, đối chất, hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau quyết định: Căn cứ các điều 385, 422, 430 Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu T. Buộc ông Châu Quốc K thanh toán cho ông Trương Hữu T tổng cộng số tiền 5.900.000.000 đồng, gồm tiền tạm ứng thi công bơm cát san lấp 4.900.000.000 đồng, tiền mua bán máy đào 1.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, ông Châu Quốc K kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu T.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 05/QĐ-VKS ngày 19/6/2024; đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số: 129/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hữu T về việc yêu cầu bị đơn ông Châu Quốc K phải trả số tiền 5.900.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định;

Về nội dung: Rút toàn bộ kháng nghị số 05 ngày 19/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Châu Quốc K; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Ông Trương Hữu T khởi kiện yêu cầu ông Châu Quốc K trả lại 5.900.000.000 đồng đã nhận gồm: 4.900.000.000 đồng tiền tạm ứng của hợp đồng thi công bơm cát san lấp ký ngày 01/9/2020 và 1.000.000.000 đồng tiền mua bán máy đào 09 catec. Lý do, hợp đồng bơm cát không được thực hiện nên đã chấm dứt và máy đào ông K chưa giao. Ông K thừa nhận số tiền 5.900.000.000 đồng là

tiền tạm ứng mua trang thiết bị phục vụ việc bơm cát từ biển lên dẫn vào đất liền. Đồng thời, ông T còn chuyển cho ông K các khoản khác phục vụ bơm cát 103.000.000 đồng, cộng chung là 6.030.000.000 đồng. Do ông T thông báo dự án biển Cần Giờ không thực hiện được, không tiến hành bơm cát nên chấm dứt hợp đồng. Các bên đã thỏa thuận, ông K sang lại toàn bộ trang thiết bị bơm cát cho ông T để đổi trừ tiền ông K đã nhận 6.030.000.000 đồng thể hiện tại biên bản làm việc ngày 08/7/2021. Ông K đã giao thiết bị cho ông T xong, có biên nhận của người nhận là Nguyễn Hải N. Do đó, ông K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

[2] Án sơ thẩm xác định ông T, ông K không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép bơm hay cung cấp cát san lấp nên việc ký kết Hợp đồng thi công bơm cát san lấp ngày 01/9/2020 là không phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bên thừa nhận thực tế chưa thực hiện việc bơm cát, đã tự nguyện thống nhất chấm dứt hợp đồng, nên không tranh chấp hợp đồng, không đề cập yêu cầu xử lý hợp đồng vô hiệu là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 408 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn tại vụ án này là việc ông T yêu cầu ông K trả lại số tiền 5.900.000.000 đồng đã nhận nhưng chưa thực hiện hợp đồng. Ông K thừa nhận có nhận của ông T tổng số tiền 6.030.000.000 đồng, đã giao cho ông T trang thiết bị phục vụ việc bơm hút cát để đổi trừ xong số nợ. Cụ thể ông K chứng minh bằng hình ảnh trích xuất từ Zalo Biên bản làm việc ngày 08/7/2021 thể hiện người viết biên bản, ký tên biên bản, chụp ảnh và gửi cho ông K là ông T. Nội dung thể hiện ông T và ông K thống nhất để lại một giàn thiết bị bơm cát, một giàn thiết bị hút cát để đổi trừ số tiền 6.030.000.000 đồng ông T đã chuyển cho ông K. Ông K xác định tài khoản Zalo lưu tên “Cat Tam” trên điện thoại của ông K là của ông T. Ông T thừa nhận có sử dụng số điện thoại di động 0908.058.286 có nick tài khoản Zalo “Tâm” là của ông đúng với xác định của Công ty Cổ phần VNG. Tuy nhiên, ông T không thừa nhận tài khoản Zalo “Cat Tam” do ông K đưa ra là của ông, không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong Biên bản ngày 08/7/2021 là của ông, không thừa nhận có nhận trang thiết bị do ông K giao trừ nợ.

[4] Xét Biên bản ngày 08/7/2021 thể hiện trên Zalo gửi từ tài khoản “Cat Tam” sang tài khoản “Chau Quoc Khai” có nội dung hai bên thỏa thuận thống nhất ông T đồng ý nhận trang thiết bị bơm cát của ông K để trừ nợ, có chữ ký nơi ghi tên của ông T, không có chữ ký nơi ghi tên của ông K, không có nội dung đã nhận xong trang thiết bị. Do đó, văn bản này nếu thực tế do ông T viết, gửi cho ông K như ông K trình bày thì cũng chỉ có thể được xem là văn bản đề nghị của ông T về phương thức thanh toán nợ với ông K, chưa thể hiện có sự đồng ý của ông K, chưa thể hiện đã có giao nhận xong thiết bị bơm, hút cát. Việc ông K cho rằng đã giao trang thiết bị bơm, hút cát cho ông T xong, có biên nhận (không đề ngày, tháng, năm) của người nhận là Nguyễn Hải N. Ông T không thừa nhận đã nhận trang thiết bị, xác định không biết Nguyễn Hải N. Nguyễn Hải N có văn bản trả lời cho Tòa án không liên quan vụ án, không phải người của ông T, không nhận trang thiết bị của ông K. Do đó, chưa đủ cơ sở xác định ông K đã giao trang thiết bị bơm cát cho ông T nhận để trừ xong nợ. Án sơ thẩm không chấp nhận chứng cứ chứng minh

của ông K là có cơ sở. Trường hợp thực tế ông K có giao tài sản cho ông N, không chứng minh được ông N đã giao lại cho ông T thì việc giao tài sản của ông K cũng là sai đối tượng. Ông K có quyền kiện ông N đòi lại tài sản bằng vụ kiện khác.

[5] Từ nhận định trên, xét thấy không đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Châu Quốc K, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử đối với các bên đương sự. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Châu Quốc K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 284; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà M;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Châu Quốc K; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

2. Áp dụng các điều 385, 422, 423 của Bộ luật Dân sự;
Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu T. Buộc ông Châu Quốc K trả cho ông Trương Hữu T số tiền 5.900.000.000 đồng (năm tỷ chín trăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Áp dụng Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí phúc thẩm ông Châu Quốc K phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà M theo Biên lai thu tiền số 0008879 ngày 20/6/2024 được chuyển thu án phí.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Cà M;
- Tòa án nhân dân Tp.Cà M;
- Chi cục THADS Tp.Cà M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trọng Nhân